

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 29-6-2023

V/v: ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Triết

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lê Mộng Linh

2. Bà Phạm Tường Vi

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nđơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 91/4 ấp A KA, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn, sinh năm 1979. Địa chỉ: số 91/4 ấp A K A, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2022, bản khai và trong quá trình tố tụng Nđơn chị Trần Thị H trình bày:*

Chị và anh Lê Văn Nkết hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 16/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã AĐ, hôn nhân tự nguyện. Sống chung có 02 con chung là: Lê Hiền V, sinh ngày 25/6/2007 và Lê Quốc V, sinh ngày 29/11/2009. Nhân yêu cầu ly hôn: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê V. Không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị đồng ý giao 02 con chung tên Lê Hiền V, sinh ngày 25/6/2007 và Lê Quốc V, sinh ngày 29/11/2009 cho anh Nnôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh Lê Văn N vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Ndon chị Trần Thị H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Lê Văn N không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung đề nghị:* Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 BLTTDS; áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: 1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Lê Văn N; 2.Về con chung: anh Lê Văn N được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là cháu: Lê Hiền V, sinh ngày 25/6/2007 và Lê Quốc V, sinh ngày 29/11/2009; chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; 3.Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Lê Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 91/4 ấp A K A, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Trần Thị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Trần Thị H và anh Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre chứng nhận ngày 16/4/2007. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị H cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, chị H và anh N đã không còn sống chung và hiện không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Đối với anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nên có cơ xác định anh N không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp. Do chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Hiện nay các con đang sống chung với anh Lê Văn N và đang sống ổn định, được anh N nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên để cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con sẽ tạo điều kiện tốt cho việc phát triển tâm, sinh lý bình thường của các con chung là cháu Lê Hiền V, sinh ngày 25/6/2007 và Lê Quốc V, sinh ngày 29/11/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện thì chị Trần Thị H có yêu cầu giao hai con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Do quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh N không đến nên không ghi nhận được ý kiến về việc có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hay không. Do vậy không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Sau ly hôn nếu anh N có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có. Đối với anh N không có lời trình bày về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Chị H và anh N được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 207, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Lê Văn Nguyên. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn N. Chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lê Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hiền V, sinh ngày 25/6/2007 và Lê Quốc V, sinh ngày 29/11/2009. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này anh Lê Văn N có yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh Lê Văn N không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị H và anh Lê Văn N được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000958 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- UBND xã Q Đ;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Hồ Thị Triết**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

